

Bản án số: 146/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 15 - 11 - 2023.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Trung Kiên.

Bà Hoàng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985.

Cùng trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 ngày 02 tháng 12 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về nhiều mặt, không còn tin tưởng nhau, ghen tuông. Đến tháng 8 năm 2023 do mâu thuẫn căng thẳng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ ở, vợ chồng sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chung sống với anh T1 được nữa, chị xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018. Hiện nay cháu D đang ở với anh T1, cháu N đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yến N và đồng ý để anh T1 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành D, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 31 tháng 8 năm 2023, anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn. Anh có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm của anh với chị T vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018. Nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành D và đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yến N, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T anh T1 là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn ngày 02 tháng 12 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do anh chị mất niềm tin đối với nhau, thường xuyên nghi ngờ ghen tuông, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở.

Xét thấy về tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh nhưng đã rất căng thẳng, gia đình bố mẹ đã khuyên bảo nhưng chị T không trở về chung sống với anh T1, vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T1. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân

không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010 và Nguyễn Yến N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018. Hiện nay con chung Nguyễn Thành D đang ở với anh T1, con chung Nguyễn Yến N đang ở với chị T. Về con chung, chị T và anh T1 đều có quan điểm thống nhất: Chị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yến N, anh T1 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành D. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Xét quan điểm của chị T và anh T1 về việc nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị T anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Cháu Nguyễn Thành D có nguyện vọng ở với anh T1. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định học tập đối với 02 con chung, HĐXX thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010 cho anh T1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2010.

Giao cho chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yến N, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002335 ngày

17 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị T phải nộp. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng